

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1746/GDĐT
Về hướng dẫn công tác tổ chức kiểm tra
định kì cuối học kì cấp tiểu học
năm học 2023-2024

Quận 1, ngày 21 tháng 12 năm 2023

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường tiểu học.

Căn cứ Công văn số 7462/SGDĐT-GDTH ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn công tác tổ chức kiểm tra định kì cuối học kì cấp tiểu học năm học 2023-2024;

Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 1 hướng dẫn công tác tổ chức kiểm tra định kì cuối học kì cấp tiểu học năm học 2023-2024 cụ thể như sau:

1/- Mục tiêu

Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh, coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy nhiều nhất khả năng; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan.

Tuyệt đối không tạo ra áp lực kiểm tra định kì đối với học sinh, chỉ xem như một hoạt động đánh giá thông thường hằng ngày dành cho các em.

Căn cứ trên kết quả kiểm tra định kì của học sinh, giáo viên điều chỉnh kế hoạch dạy học kịp thời; lựa chọn phương pháp và tổ chức hình thức dạy học phù hợp nhằm phát huy năng lực, phẩm chất của học sinh; đồng thời có kế hoạch cụ thể để bồi dưỡng, hỗ trợ và phụ đạo cho từng đối tượng học sinh, đảm bảo học sinh đạt yêu cầu cần đạt của từng môn học và hoạt động giáo dục.

2/- Thời gian

Thời gian tổ chức kiểm tra định kì các môn học căn cứ vào khung chương trình, và kế hoạch dạy học từ lớp 1 đến lớp 4 và phân phối chương trình, chuẩn kiến thức kĩ năng của lớp 5. Tuy nhiên các trường tiểu học có thể linh hoạt bố trí tránh cận các ngày lễ được Nhà nước quy định trong năm hoặc các ngày có ý nghĩa khác.

3/- Tổ chức ôn tập, phụ đạo cho học sinh

Các trường tiểu học cần xây dựng kế hoạch ôn tập cho học sinh và có kế hoạch phụ đạo riêng cho học sinh yếu kém; thông báo lịch kiểm tra, phối hợp cùng gia đình nhằm chuẩn bị các điều kiện học tập thật tốt cho học sinh. Tuyệt đối không chạy theo thành tích để đối phó, gây áp lực, tạo không khí căng thẳng, nặng nề cho giáo viên, học sinh và gia đình các em.

Việc tổ chức ôn tập được thực hiện ngay trên lớp học, không giao bài tập về nhà đối với lớp học 2 buổi/ngày; không soạn đề cương, bài mẫu bắt buộc học sinh làm, không tổ chức học thuộc lòng bài mẫu. Giáo viên cần hướng dẫn cho học sinh cách tự học, ôn tập.

4/- Việc tổ chức kiểm tra định kì

4.1. Đối với lớp 1, 2, 3, 4

Thực hiện theo điều 7 Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học. Đề kiểm tra phù hợp yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông đối với từng khối lớp, từng mạch kiến thức, kĩ năng và cách triển khai các mạch này trong sách giáo khoa nhà trường sử dụng, gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo các mức như sau:

- Mức 1: Nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả được nội dung đã học và áp dụng trực tiếp để giải quyết một số tình huống, vấn đề quen thuộc trong học tập;
- Mức 2: Kết nối, sắp xếp được một số nội dung đã học để giải quyết vấn đề có nội dung tương tự;
- Mức 3: Vận dụng các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập và cuộc sống.

Giáo viên cần soạn ma trận đề trước khi soạn đề kiểm tra, ma trận đề của mỗi giáo viên cần được tổ chuyên môn thống nhất, cán bộ quản lí xem và góp ý trước khi có thể sử dụng để biên soạn đề.

4.2. Đối với lớp 5

Thực hiện theo hướng dẫn tại công văn 3694/GDDT-TH ngày 24/10/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn đánh giá học sinh cấp Tiểu học kể từ năm học 2018-2019.

4.3. Hướng dẫn cụ thể đối với từng môn học:

Xem phụ lục đính kèm.

4.4. Đối với đối tượng là học sinh học hoà nhập

Thực hiện nội dung chuyên môn theo hướng dẫn tại mục 4.3. nêu trên, tuy nhiên cần chú ý các nội dung sau:

- Học sinh khuyết tật học theo phương thức giáo dục hòa nhập tùy theo dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật, được đánh giá như đối với học sinh không khuyết tật, có điều chỉnh yêu cầu cho phù hợp với dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật hoặc theo yêu cầu của kế hoạch giáo dục cá nhân. Tuyệt đối không cắt xén đề kiểm tra của học sinh không khuyết tật để sử dụng cho học sinh khuyết tật học theo phương thức giáo dục hoà nhập.

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị hiệu trưởng các trường tiểu học tổ chức hướng dẫn cho tất cả thành viên Hội đồng sư phạm nắm vững yêu cầu, nhiệm vụ để thực hiện nghiêm túc việc đánh giá học sinh chính xác, hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Tuấn.





PHỤ LỤC

HƯỚNG DẪN KIỂM TRA ĐỊNH KÌ THEO TỪNG MÔN HỌC

(Đính kèm theo Công văn số 1746/GDDT ngày 21 tháng 12 năm 2023)

1/- TIẾNG VIỆT

Thực hiện theo hướng dẫn tại mục 2 và 3 của Phụ lục 1, công văn số 4567/SGDDT-GDTH ngày 21/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về Hướng dẫn chuyên môn cấp tiểu học năm học 2023-2024.

2/- TOÁN**2.1. Về ma trận**

Ma trận được xây dựng cần có sự bàn bạc, thống nhất trong tổ, khối chuyên môn.

Tỉ lệ giữa các mức độ nhận thức đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4: mức 1 khoảng 50%, mức 2 khoảng 30%, mức 3 khoảng 20%.

Tỉ lệ giữa các mức độ nhận thức đối với lớp 5: mức 1 khoảng 40%, mức 2 khoảng 30%, mức 3 khoảng 20%, mức 4 khoảng 10%.

Khuyến khích thiết kế ma trận ngay từ đầu năm học cho các chặng, từ đó xác định những yêu cầu cần đạt; kiến thức, kỹ năng cần đánh giá ở mỗi kì theo các bước cơ bản như sau:

- + Liệt kê tên nội dung, chủ đề, mạch kiến thức cần kiểm tra;
- + Viết các yêu cầu cần đạt, kiến thức kỹ năng cần đánh giá đối với mỗi cấp độ nhận thức, đồng thời căn cứ theo lượng kiến thức học sinh được tiếp nhận tính đến học kì I (dựa vào kế hoạch dạy học môn học của tổ khối của từng trường).

Tên nội dung, chủ đề, mạch kiến thức	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
				Đối với lớp 5
....				

+ Quyết định phân phối tỉ lệ % điểm cho mỗi chủ đề, nội dung, mạch kiến thức; tỉ lệ phần trăm số câu và số điểm cho mỗi mức độ nhận thức.

Tên nội dung, chủ đề, mạch kiến thức	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	TỔNG CỘNG
	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Đối với lớp 5	Số điểm Tỉ lệ
...	...	...	...		...
Tổng số câu	Số câu	Số câu	Số câu	Số câu	Số câu
Tổng số điểm	Số điểm	Số điểm	Số điểm	Số điểm	Số điểm
Tỉ lệ %	Tỉ lệ	Tỉ lệ	Tỉ lệ	Tỉ lệ	Tỉ lệ

+ Tính tổng số điểm, tổng số câu hỏi cho mỗi cột và kiểm tra tỉ lệ phần trăm tổng số điểm phân phối cho mỗi cột.

Tên nội dung, chủ đề, mạch kiến thức	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		TỔNG CỘNG	
	TN	TL	TN	TL	TN	TL			TN	TL
	Số câu Số điểm						Đối với lớp 5			
...										
Tổng số câu Tổng số điểm Tỉ lệ %										

+ Đánh giá, rà soát lại ma trận và chỉnh sửa nếu thấy cần thiết.

2.2. Về nội dung

Căn cứ vào ma trận đã thiết kế để xây dựng hệ thống câu hỏi, nên đa dạng hình thức trắc nghiệm. Nội dung cần tập trung kiểm tra sẽ được ưu tiên chọn trước, các nội dung khác sẽ được cân nhắc lựa chọn sau.

Các câu hỏi phải đảm bảo tính chặt chẽ, logic với câu lệnh rõ ràng, đủ ý, tránh những câu hỏi, bài tập không rõ ràng hoặc có đáp án không tường minh, gây tranh cãi.

Thiết kế đề đánh giá định kì theo định hướng tiếp cận năng lực học sinh. Số lượng câu hỏi phụ thuộc vào mức độ quan trọng của mỗi nội dung cần đánh giá, lượng thời gian làm bài kiểm tra và số điểm quy định cho từng mạch kiến thức, từng mức độ nhận thức.

Đối chiếu từng nội dung kiểm tra với bảng tiêu chí quy định các mức độ nhận thức theo Thông tư 27 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4; theo Thông tư 22 đối với lớp 5 để quyết định câu hỏi ở mức độ nhận thức nào. Mỗi mức độ nhận thức phải đảm bảo phân hóa được đối tượng học sinh trong quá trình đánh giá.

2.3. Về hình thức

Hình thức kiểm tra: kết hợp trắc nghiệm khách quan và tự luận trong đó trắc nghiệm khoảng 30%, tự luận khoảng 70%.

Bài kiểm tra định kỳ cần được thiết kế khoa học, các hình ảnh được chọn lọc rõ ràng, mang tính giáo dục.

2.4. Về đáp án và biểu điểm chấm

Xây dựng đáp án, biểu điểm, hướng dẫn chấm chi tiết. Đối với câu tự luận, căn cứ yêu cầu cần đạt; chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra để chia nhỏ thang điểm ở từng nội dung cho thích hợp.

Thang điểm 10 là thang điểm cho toàn bài, mỗi ý hoặc câu hỏi có thể có giá trị điểm nhỏ nhất là 0,5.

3/- MÔN TỰ NHIÊN XÃ HỘI (LỚP 1, 2, 3) VÀ MÔN KHOA HỌC, LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ (LỚP 4, 5)

3.1. Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, lớp 2 và lớp 3

Một số đặc trưng của đánh giá phẩm chất, năng lực trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, lớp 2 và lớp 3:

- Quan tâm đánh giá phẩm chất của học sinh, chú trọng đến năng lực cá nhân, khuyến khích học sinh thể hiện cá tính và năng lực bản thân. Các phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm* của học sinh được đánh giá chủ yếu là bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét về hành vi, cách ứng xử, các biểu hiện về thái độ, tình cảm của học sinh khi tham gia các hoạt động học tập của bài học.

- Đa dạng hoá các hình thức và công cụ đánh giá học sinh: Đánh giá qua lời nói, trả lời câu hỏi; Đánh giá qua phiếu bài tập, bài tự luận, trắc nghiệm...; Đánh giá các sản phẩm quan sát, thực hành của nhóm, cá nhân; Đánh giá qua việc quan sát HS tham gia các hoạt động; Đánh giá qua sự phản hồi của các lực lượng giáo dục...

- Kết hợp đánh giá quá trình làm việc cá nhân với đánh giá sự hợp tác và làm việc nhóm, tập thể của học sinh.

- Không chỉ quan tâm đến kết quả của hoạt động mà còn chú trọng đến quá trình tạo ra sản phẩm của hoạt động, coi trọng ý tưởng sáng tạo, tinh thần làm việc để tạo ra sản phẩm trong quá trình học tập. Kết hợp giữa đánh giá thường xuyên với đánh giá định kì sau từng chủ đề nhằm điều chỉnh quá trình dạy học.

- Trọng tâm đánh giá môn học nhấn mạnh đến đánh giá năng lực của người học.

- Khuyến khích tự đánh giá và đánh giá chéo của cá nhân và các nhóm học sinh ở những thời điểm khác nhau trong quá trình dạy học. Đặc biệt là đánh giá cuối hoạt động hình thành, phát triển năng lực nhận thức khoa học, tìm hiểu môi trường tự nhiên, xã hội và cuối hoạt động hình thành, phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

- Đánh giá năng lực khoa học trong môn Tự nhiên và Xã hội: Căn cứ vào những biểu hiện cụ thể của năng lực khoa học trong môn Tự nhiên và Xã hội, giáo viên có thể thiết kế các câu hỏi, các bài tập để đánh giá năng lực khoa học của học sinh.

- + *Năng lực nhận thức khoa học*: Có thể đánh giá thông qua việc yêu cầu học sinh nêu, mô tả, trình bày được một số sự vật, hiện tượng tự nhiên và xã hội xung quanh; so sánh, lựa chọn và phân loại được các sự vật, hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và xã hội theo một số tiêu chí.

- + *Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh*: Có thể đánh giá thông qua việc học sinh đặt được câu hỏi, nêu thắc mắc về một số sự vật, hiện tượng; quan sát và tiến hành được các thao tác thực hành để nhận xét về đặc điểm của các sự vật, hiện tượng và mối quan hệ giữa chúng trong tự nhiên và xã hội.

- + *Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học*: Có thể đánh giá thông qua việc học sinh giải thích, phân tích một số tình huống có liên quan đến bài học; nhận xét, đánh giá cách ứng xử của mọi người xung quanh; nêu và thực hiện được cách ứng xử phù hợp trong một số tình huống và chia sẻ với mọi người xung quanh cùng thực hiện.

3.2. Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá kết quả học tập các môn Khoa học, Lịch sử và Địa lí lớp 4, lớp 5

3.2.1. Lưu ý chung

Đối với kiểm tra định kì cuối học kì I và cuối năm, học sinh làm một bài kiểm tra môn Khoa học, một bài kiểm tra cho môn Lịch sử và Địa lí.

Đối với môn Lịch sử và Địa lí cần đưa nội dung Giáo dục địa phương vào đề KTĐK.

3.2.2. Thời gian làm kiểm tra

35 phút mỗi môn.

3.2.3. Về hình thức đề kiểm tra

- Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức: câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan và câu hỏi dạng tự luận. Thực hiện soạn đề theo ma trận có 3 mức độ đối với lớp 4 theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT và 4 mức độ đối với lớp 5 theo Thông tư 22/2014/TT-BGDĐT.

- Số lượng câu hỏi không quá 10 câu cho mỗi bài kiểm tra.

3.2.4. Cấu trúc và biểu điểm chấm

3.2.4.1. Môn Khoa học

- Câu hỏi trắc nghiệm (6 điểm) khoảng 60% số lượng câu hỏi, có đủ các dạng bài tập (trắc nghiệm nhiều lựa chọn, chọn đúng hoặc sai, điền khuyết hoặc viết tiếp vào chỗ trống, đối chiếu cặp đôi, ...).

- Câu hỏi tự luận (4 điểm) khoảng 40% số lượng câu hỏi tùy theo đặc trưng bộ môn.

3.2.4.2. Môn Lịch sử và Địa lí đối với lớp 4

- Câu hỏi trắc nghiệm (6 điểm) khoảng 60% số lượng câu hỏi, có đủ các dạng bài tập (trắc nghiệm nhiều lựa chọn, chọn đúng hoặc sai, điền khuyết hoặc viết tiếp vào chỗ trống, đối chiếu cặp đôi, ...).

- Câu hỏi tự luận (4 điểm) khoảng 40% số lượng câu hỏi tùy theo đặc trưng bộ môn.

3.2.4.3. Môn Lịch sử và Địa lí đối với lớp 5

Mỗi nội dung Lịch sử, Địa lí chiếm 50% số điểm và lượng kiến thức của bài kiểm tra.

- Phần Lịch sử (5 điểm):

+ Câu hỏi trắc nghiệm khoảng 30% số lượng câu hỏi.

+ Câu hỏi tự luận khoảng 20% số lượng câu hỏi.

- Phần Địa lí (5 điểm):

+ Câu hỏi trắc nghiệm khoảng 30% số lượng câu hỏi.

+ Câu hỏi tự luận khoảng 20% số lượng câu hỏi.

- Câu hỏi trắc nghiệm gồm cả phần Lịch sử và Địa lí cần có đủ các dạng bài tập (trắc nghiệm nhiều lựa chọn, chọn đúng hoặc sai, điền khuyết hoặc viết tiếp vào chỗ trống, đối chiếu cặp đôi, ...).

- Ở mức 4 chỉ nên sử dụng 01 câu – hoặc nội dung Lịch sử hoặc nội dung Địa lí.

4/- MÔN TIN HỌC VÀ MÔN CÔNG NGHỆ (LỚP 3 VÀ LỚP 4)

4.1. Về ma trận

Căn cứ vào nội dung chương trình để xây dựng ma trận và nội dung đề kiểm tra. Giáo viên xây dựng ma trận môn tin học và môn công nghệ theo 3 mức độ đối với lớp 3, 4 (riêng môn tin học lớp 5 xây dựng 4 mức độ) trước khi thực hiện soạn đề kiểm tra.

4.2. Về nội dung

Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích tính tích cực và vượt khó trong học tập, rèn luyện của các em; đảm bảo công bằng, khách quan và toàn diện.

Đối với môn Tin học ở lớp 1, 2: Đây là hoạt động giáo dục theo nhu cầu, do đó việc tổ chức kiểm tra chỉ nhằm mục đích theo dõi sự tiến bộ của học sinh, kết quả không sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh. Nội dung kiểm tra xoay quanh các năng lực học sinh đã được làm quen.

Đối với môn Tin học lớp 3, lớp 4: Môn Tin học là môn học bắt buộc trong Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 ở lớp 3 kể từ năm học 2022-2023 và lớp 4 từ năm học 2023-2024 với điểm kiểm tra được sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh. Đề kiểm tra môn Tin học xoay quanh các nội dung học sinh được học, có liên quan đến những vấn đề thực tế, xung quanh cuộc sống của học sinh. Các bài tập thực hành mang tính vừa sức, không đánh đố.

Đối với môn Tin học ở lớp 5: Đây là môn học tự chọn trong Chương trình Giáo dục Phổ thông theo Quyết định 16/2006, do đó tổ chức kiểm tra lấy điểm, kết quả kiểm tra được sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh (đối với các học sinh có đăng ký học tự chọn môn Tin học). Nội dung kiểm tra bám sát kiến thức, kĩ năng học sinh được học trong học kì.

Đối với môn Công nghệ lớp 3, lớp 4: Đây là môn học bắt buộc trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, điểm kiểm tra được sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh. Đề kiểm tra môn Công nghệ chú trọng đến khả năng vận dụng kiến thức vào xử lí các vấn đề trong thực tế, việc sử dụng các thiết bị công nghệ hằng ngày trong đời thường của học sinh.

4.3. Về hình thức

4.3.1. Môn Tin học

- Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức trắc nghiệm khách quan và tự luận hoặc bài tập thực hành trên máy theo tỉ lệ:

+ Trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm)

+ Tự luận hoặc bài tập thực hành trên máy (tỉ lệ 50% số điểm)

- Tỉ lệ khuyến nghị mức độ:

+ Mức 1: 50%, mức 2: 30%, mức 3: 20% (đối với lớp 1, 2, 3, 4)

+ Mức 1: 40%, mức 2: 30%, mức 3: 20%, mức 4: 10%, (đối với lớp 5)

4.3.2. Môn Công nghệ (lớp 3, lớp 4)

- Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức câu hỏi trắc nghiệm khách quan và tự luận hoặc sản phẩm dự án theo tỉ lệ:

+ Các câu hỏi trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm)

+ Các câu hỏi tự luận hoặc sản phẩm dự án (tỉ lệ 50% số điểm)

- Tỉ lệ khuyến nghị mức độ: Mức 1: 50%, mức 2: 30%, mức 3: 20%.

5/- NGOẠI NGỮ 1

5.1. Về ma trận:

Xây dựng nội dung ma trận đề của từng khối lớp căn cứ vào nội dung dạy học và yêu cầu cần đạt/kiến thức, kĩ năng được quy định trong từng bộ tài liệu sách giáo khoa chính thức, không sử dụng nội dung trong các tài liệu/phần mềm hỗ trợ, để xác định yêu cầu cần đạt.

Phạm vi và nội dung kiểm tra đến thời điểm kết thúc học kì 1:

- Số lượng câu hỏi môn ngoại ngữ 1 dành cho khối lớp 1, 2, 3, 4 theo tỉ lệ mức độ sau:

+ Mức 1: khoảng 50%,

+ Mức 2: khoảng 30%,

+ Mức 3: khoảng 20%.

- Số lượng câu hỏi môn ngoại ngữ 1 dành cho khối lớp 5 theo tỉ lệ mức độ sau:

+ Mức 1: khoảng 40%,

+ Mức 2: khoảng 30%,

+ Mức 3: khoảng 20%.

+ Mức 4: khoảng 10%.

5.2. Về nội dung:

Việc đánh giá hoạt động học tập của học sinh phải bám sát mục tiêu và nội dung dạy học của Chương trình, dựa trên yêu cầu cần đạt đối với các kỹ năng giao tiếp ở từng cấp lớp, hướng tới việc giúp học sinh đạt được các bậc quy định về năng lực giao tiếp khi kết thúc các cấp tiểu học. Chỉ thực hiện việc kiểm tra định kì đối với môn Ngoại ngữ 1 ở khối lớp 3, 4 và 5; đối với khối lớp 1 và 2 chỉ tổ chức kiểm tra nhằm mục đích theo dõi sự tiến bộ của học sinh, kết quả không sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh.

Chú ý: chỉ sử dụng các sách giáo khoa đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định mà nhà trường chọn dạy cho học sinh, không sử dụng các nội dung của các tài liệu hỗ trợ làm đề kiểm tra Học kỳ 1 cho học sinh.

5.3. Về hình thức:

Kiểm tra 04 kĩ năng: nghe, nói, đọc và viết. Cụ thể:

- Thời lượng cho kiểm tra 3 kỹ năng nghe, đọc, viết là 35 phút.

- Thời lượng cho kiểm tra kỹ năng nói khoảng tối đa 3 phút/học sinh.

5.4. Về đáp án và biểu điểm chấm

Xây dựng đáp án, biểu điểm, hướng dẫn chấm chi tiết; đặc biệt với kỹ năng nói.

Thang điểm 10 là thang điểm cho mỗi kỹ năng (có thể có điểm lẻ 0,5 cho mỗi kỹ năng). Điểm ghi vào học bạ sẽ là điểm trung bình đã làm tròn số của 4 kỹ năng trên.

